

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vĩnh và bà Dương Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Lê Anh Q, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Anh Q ngày 12/3/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh Q ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không chịu khó làm ăn, ham chơi lô đề dẫn đến nợ nần. Gia đình hai bên có giàn xếp để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh Q không thay đổi vẫn tiếp tục chơi bời. Khi anh Q đi làm cũng không đưa tiền lương cho chị chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi con, vợ chồng bất đồng quan điểm phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh Q cũng không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình có giàn xếp nhưng không được và chị đã cho anh Q nhiều cơ hội nhưng anh Q không thay đổi. Hơn nữa hai vợ chồng cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Việt H, sinh ngày 24/5/2014 và Lê Nguyễn Hải N, sinh ngày 18/8/2017; hiện nay hai con đang ở cùng anh Q. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và để anh Q nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay chị đang làm công nhân với thu nhập khoảng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng, chị xác định điều kiện kinh tế đủ đảm bảo nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày: Về thời gian kết hôn như chị P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, Chị P đề nghị giải quyết ly hôn anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày là đúng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông Lê Anh T (bố đẻ anh Q), tiến hành xác minh tại UBND xã T đều xác định mâu thuẫn giữa

vợ chồng chị P anh Q là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020; anh Q đi làm ăn tại khu công nghiệp Bắc Thăng Long, thường xuyên có mặt tại địa phương và đang ở chung cùng bố mẹ. Khi vợ chồng sống ly thân gia đình đã khuyên bảo hai anh chị nhưng không được, anh chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị P xin ly hôn với anh Q thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lê Anh Q.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q được nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền thăm nuôi con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Anh Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P và anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Anh Q kết hôn ngày 12 tháng 9 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị P không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh Q không chịu khó làm ăn, ham chơi lô đề, vợ chồng bất đồng về quan điểm làm ăn kinh tế và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2020. Khi vợ

chồng sống ly thân hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Do vậy chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh Q và đề nghị giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án anh Q xin đoàn tụ Tòa án đã tiến hành giao gửi các văn bản tố tụng cho anh Q, thông báo hòa giải nhưng anh Q cũng không đến Tòa án hòa giải cho thấy việc anh Q xin đoàn tụ là không thực tâm, cố tình gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tòa án lấy lời khai ông Lê Anh T (bố đẻ anh Q), xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T đều thể hiện quá trình vợ chồng anh Q và chị P chung sống có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Q, chị P không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ tình cảm giữa vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị P xin ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lê Anh Q.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh Q xác nhận có hai con chung là Lê Việt H, sinh ngày 24/5/2014 và Lê Nguyễn Hải N, sinh ngày 18/8/2017; hiện nay hai con đang ở cùng anh Q. Chị P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và để anh Q nuôi dưỡng cháu H. Anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con. Hai bên đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Xét về nguyện vọng nuôi con của chị P, anh Q Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng thể hiện trách nhiệm của những người làm cha mẹ đối với con. Do vậy để đảm bảo về điều kiện, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của hai bên cần giao cho chị P và anh Q mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Hiện nay cháu N nhỏ tuổi hơn cháu H nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ và ở bên cạnh mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và để anh Q được nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị P và anh Q không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lê Anh Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hải N, sinh ngày 18/8/2017 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Lê Việt H, sinh ngày 24/5/2014 cho anh Lê Anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0009126 ngày 20/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Khương Đặng Khánh Hằng

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

